



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

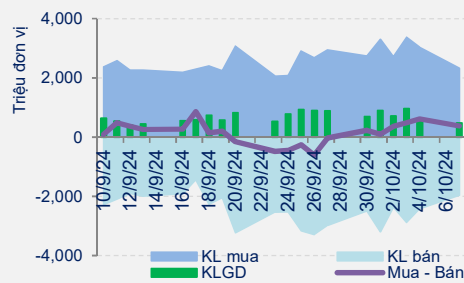
7/10/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

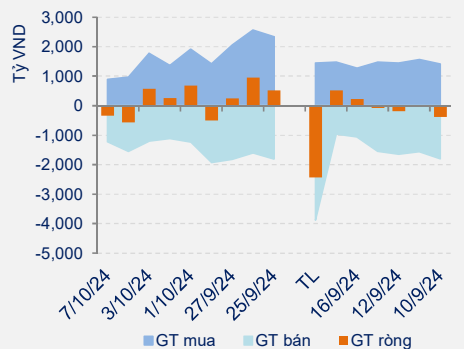
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,269.93	232.47
% Thay đổi	↓ -0.05%	↓ -0.09%
KLGD (CP)	477,154,703	61,925,457
GTGD (tỷ đồng)	11,807.84	1,141.91
Tổng cung (CP)	1,956,847,855	85,960,100
Tổng cầu (CP)	2,329,217,826	68,620,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,502,244	5,064,877
KL mua (CP)	25,787,949	1,250,710
GT mua (tỷ đồng)	890.67	37.24
GT bán (tỷ đồng)	1,227.97	93.91
GT ròng (tỷ đồng)	(337.30)	(56.67)

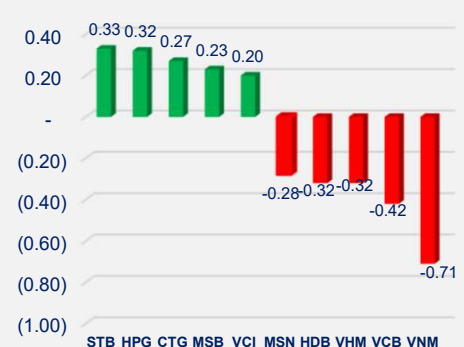
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Theo công bố của Tổng Cục thống kê, tăng trưởng GDP quý 3/2024 ước đạt 7,40%. Trong đó, tăng trưởng đến nhiều từ khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ. CPI bình quân quý 3/2024 tăng 3,48% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm nay, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 2,69%.

Phản ứng trước thông tin tích cực nói trên, thị trường mở cửa phiên sáng nay trong sắc xanh và VN-INDEX tiến gần tới mốc 1.280 điểm, tuy nhiên thanh khoản tiếp tục sụt giảm và giao dịch khá ảm đạm khiến cho đà tăng của chỉ số giảm dần. Mặc dù quay đầu giảm điểm trong phiên chiều tuy nhiên áp lực bán không mạnh nên VN-INDEX đóng cửa giảm nhẹ -0,67 điểm (-0,05%) tại mốc 1.269,93 điểm. HNX-INDEX kết phiên tại mốc 232,47 điểm (-0,20 điểm, tương ứng -0,09%). Độ rộng thị trường nghiêng nhẹ về bên bán với 156 cổ phiếu giảm giá, 144 cổ phiếu tăng giá, 65 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 66 cổ phiếu tăng giá, 82 cổ phiếu tham chiếu và 58 cổ phiếu giảm giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn giảm so với phiên giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh -11,15% tại HOSE và -22,12% tại HNX. Khối ngoại phiên hôm nay tiếp tục đà bán ròng với -337,32 tỷ đồng tại HOSE tập trung tại mã VPB (-93,54 tỷ), HDB (-87,67 tỷ), VCG (-41,44 tỷ) và OCB (-32,36 tỷ)... Ở chiều ngược lại, mua ròng STB (+63,34 tỷ), TCB (+40,16 tỷ)... Cùng với đó, bán ròng từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với -56,67 tỷ đồng, tập trung tại các mã SHS (-56,04 tỷ), TNG (-4,52 tỷ) và BVS (-2,39 tỷ), chiều mua ròng nổi bật với MBS (+7,70 tỷ), PVS (+5,73 tỷ), SLS (+1,36 tỷ)...

Nhóm ngành tích cực nhất góp phần động cho điểm số của thị trường hôm nay là Chứng Khoán với các mã VCI (+3,72%), HCM (+2,13%), ORS (+3,83%), VND (+2,05%)...

Ngoài nhóm Chứng Khoán, một số nhóm cổ phiếu khác cũng có diễn biến ấn tượng như Thép, tiêu biểu với HPG (+0,76%), NKG (+0,23%), VGS (+0,27%)... Nhóm Dầu Khí, Bảo hiểm giao dịch với nhiều mã tăng như PVB (+2,30%), PVS (+1,20%), PVC (+2,52%), PVD (+0,90%)... BVH (+0,23%), MIG (+0,30%), ABI (+0,02%)...

Ghi nhận trong phiên hôm nay, một số ngành khác chứng kiến nhiều mã phân hóa điểm số như ngành Ngân Hàng với STB (+2,11%), MSB (+2,77%), TPB (+1,45%)... tuy nhiên giảm điểm có SSB (-2,29%), OCB (-1,95%), HDB (-1,65%)... Nhóm ngành Thực Phẩm và Đồ Uống giao dịch trong sắc đỏ với VNM (-2,04%), MSN (-1,06%), HAG (-2,68%), LTG (-3,63%)... Đa số cổ phiếu ngành Y Tế có một phiên giao dịch kém tích cực, cụ thể là IMP (-1,63%), NDC (-5,83%), IMP (-1,63%), DCL (-1,75%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2410 giảm -3 điểm (-0,22%), đóng cửa tại 1.340 điểm. Chênh lệch +4,56 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2411 VN30F2412 VN30F2503 tiếp tục chênh lệch từ +3,62 điểm đến +5,12 điểm so với VN30, thể hiện tâm lý nhà đầu tư trên thị trường về kỳ vọng sớm kết thúc nhịp điều chỉnh. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch -1,11% so với phiên trước, và đang ở vùng trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2410 phiên hôm nay giao dịch thấp nhất tại 1.340 điểm, vẫn có khả năng tiếp tục kiểm định hỗ trợ mạnh 1.330 điểm trong ngắn hạn. Khối lượng mở OI hôm nay là 59.863 ít hơn so với phiên gần nhất là 62.081 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Sau tuần giao dịch chịu áp lực điều chỉnh ở vùng kháng cự mạnh 1.300 điểm, VN-INDEX trong phiên hôm nay tiếp tục chịu áp lực kiểm tra lại vùng hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.265 điểm, tương ứng đường xu hướng nối các vùng giá thấp nhất tháng 08, 09/2024, cũng như giá trung bình 20 tuần hiện nay. Kết phiên VN-INDEX giảm 0,67 điểm (-0,05%) về mức 1.269,93 điểm. Khối lượng giao dịch ở mức thấp, giảm -11,06% so với phiên trước, khoảng 80% mức trung bình, cho thấy thị trường phân hóa, áp lực bán đang tương đối thấp, tuy nhiên lực cầu cũng chưa gia tăng ở vùng giá này.

Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX đang chuyển sang trạng thái điều chỉnh với kháng cự 1.290 điểm, giá mở đầu tháng 10/2024. Vùng hỗ trợ gần nhất 1.265 điểm tương ứng với đường xu hướng ngắn hạn nối các vùng giá thấp nhất tháng 08, 09/2024 (theo hình). Trường hợp tích cực, VN-INDEX cần phục hồi tốt ở vùng hỗ trợ này để duy trì tích lũy trong vùng 1.280 điểm - 1.300 điểm.

Xu hướng trung hạn, VN-INDEX tăng trưởng trên vùng hỗ trợ quanh 1.250 điểm, hướng đến vùng giá 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Chúng tôi kỳ vọng VN-INDEX sẽ vượt lên vùng giá 1.300 điểm để hướng đến các vùng giá cao hơn 1.320 điểm. Trong đó 1.300 điểm - 1.320 điểm là các vùng kháng cự rất mạnh, đỉnh giá tháng 06-08/2022 và đỉnh giá các tháng đầu năm 2024. Cần lưu ý, thị trường chỉ có thể vượt qua các vùng kháng cự mạnh này khi có các yếu tố hỗ trợ vĩ mô tốt, kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội. Điều này phụ thuộc khá lớn vào các mã vốn hóa lớn, ngân hàng. Đồng thời các yếu tố bất định như căng thẳng địa chính trị như cuộc chiến Nga - Ukraine, Trung Đông hạ nhiệt.

Trong ngắn hạn, thị trường đón nhận thông tin tăng trưởng GDP quý III/2024 ước đạt 7,4%, 09 tháng 2024 GDP tăng trưởng 6,82%. Đây là mức tăng trưởng vượt mức kỳ vọng, dự báo, tuy nhiên thanh khoản thị trường vẫn đang suy giảm, cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Với giả định mức tăng trưởng GDP cả năm 2024 là khoảng 6,8%, ước tính GDP 2024 sẽ khoảng 460 tỷ USD. Như vậy vốn hóa toàn thị trường hiện tại đang tương đương 64%/GDP ước tính cả năm, mức tương đối hợp lý hiện tại. Vì vậy nhà đầu tư nên duy trì tỉ trọng hợp lý, tỉ trọng dưới mức trung bình, dòng tiền mới vẫn có thể xem xét cân nhắc, gia tăng tỉ trọng khi thị trường đang trong giai đoạn đón nhận thông tin kết quả kinh doanh. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã cổ phiếu đầu ngành, nền tảng cơ bản tốt, kết quả kinh doanh quý II tăng trưởng tốt, triển vọng kết quả kinh doanh quý III tăng trưởng tích cực.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 7/10/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
NTL	21.00	17-19	24-25	16	3.3	1622.9%	105747.1%	Theo dõi giải ngân
VLB	39.16	36-37	42-44	34	10.1	38.7%	74.9%	Theo dõi giải ngân
SIP	71.50	68-70	76-78	66	13.9	16.5%	15.9%	Theo dõi giải ngân
LHG	35.15	32-34	39-40	30	9.1	142.7%	178.7%	Theo dõi giải ngân
DPR	42.35	38-39	44-45	36	14.9	59.6%	153.1%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	CLX	15.08	16.8	26-28	15.5	-10.2%	Nắm giữ
18/7/2024	DPM	35.00	33.2	40-41	35	5.4%	Nắm giữ
24/7/2024	POW	12.75	12.8	14.4-14.8	13	-0.4%	Nắm giữ
8/8/2024	BSR	24.13	22.6	27-28	23	6.8%	Nắm giữ

## TIN VÍ MÔ

**Ngân sách Nhà nước bội thu hơn 190 ngàn tỷ trong 9 tháng đầu năm**

Theo Tổng cục Thống kê, thu ngân sách Nhà nước chín tháng năm 2024 ước tăng 17.9% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước ước tăng 1.4% so với cùng kỳ năm trước. Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 9/2024 ước đạt 94.3 ngàn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước chín tháng năm 2024 ước đạt 1,448.2 ngàn tỷ đồng, bằng 85.1% dự toán năm và tăng 17.9% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 9/2024 ước đạt 153.3 ngàn tỷ đồng; lũy kế chín tháng năm 2024 ước đạt 1,256.3 ngàn tỷ đồng, bằng 59.3% dự toán năm và tăng 1.4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên 9 tháng năm 2024 ước đạt 856.5 ngàn tỷ đồng, bằng 68.0% dự toán năm và tăng 6.8% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 320.6 ngàn tỷ đồng, bằng 47.3% và giảm 11.8%; chi trả nợ lãi 77.3 ngàn tỷ đồng, bằng 69.2% và tăng 6.6%.

**Tôm, cá tra mang về cho Việt Nam hơn 4 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm**

Kim ngạch xuất khẩu tôm và cá tra của Việt Nam tăng mạnh trong 9 tháng đầu năm, lần lượt đạt 2.7 tỷ USD và 1.4 tỷ USD. Dự báo 2 mặt hàng này đem về khoảng 6 tỷ USD trong năm nay. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong quý 3 đạt 2.76 tỷ USD, tăng gần 13% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, các mặt hàng chủ lực đều có những bứt phá đáng kể gồm cá tra (+13.5%), tôm (+17.5%), cua ghe (+56%), nhuyễn thể có vỏ (+95%). Tuy nhiên, tính riêng tháng 9, xuất khẩu cá ngừ giảm gần 6% so với cùng kỳ, khiến kim ngạch cả quý 3 chỉ cao hơn khoảng 4% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tiếp lãnh đạo Tập đoàn Airbus và Safran**

Ông Benoit De Saint-Exupery cho biết Tập đoàn Airbus đang có các hợp tác với Vietjet trong hợp đồng cung cấp máy bay A350 và nghiên cứu, nâng cấp đội bay với Vietnam Airlines; các chương trình, dự án hợp tác khác liên quan... Ông Benoit De Saint-Exupery cũng cho biết ngoài hợp tác về hàng không dân dụng, Airbus triển khai các hoạt động dự án về công nghệ vũ trụ; trực thăng; phối hợp sản xuất đồ linh kiện máy bay... và mong muốn được hợp tác với Việt Nam. Giám đốc tập đoàn về phát triển quốc tế và Chính phủ Safran Philippe ERRERA cảm ơn Tổng Bí thư, Chủ tịch nước dành thời gian tiếp và bày tỏ tự hào được hợp tác với các đơn vị, tập đoàn của Việt Nam mong muốn sẽ mở rộng hợp tác trên nhiều các lĩnh vực khác mà tập đoàn có thể mạnh với các đơn vị, tập đoàn, doanh nghiệp của Việt Nam...

**Giá sầu riêng tăng trở lại**

Ông Nguyễn Văn Mười, Phó Tổng Thư ký Hiệp hội Rau quả Việt Nam, lý giải nguyên nhân tăng giá là do sầu riêng Tây Nguyên đang vào cuối mùa, nguồn cung sụt giảm. "Khoảng cuối tháng 10, vụ sầu riêng ở Tây Nguyên sẽ kết thúc, sau đó thị trường sẽ tiêu thụ hàng trái vụ ở các tỉnh ĐBSCL khiến giá sẽ duy trì ở mức cao" - ông Mười cho hay. Đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam cũng cho biết dù giá sầu riêng tăng nhưng không phải nông dân nào cũng bán được giá cao do trời mưa, sầu riêng bị ngâm nước, không đạt về độ khô, độ ngọt nên chỉ được xếp vào hạng C, D, thậm chí là hàng dạt với giá dưới 50.000 đồng/kg. Loại hàng này chỉ có thể xay nhuyễn và đưa vào chế biến các mặt hàng có giá trị thấp.



**TIN DOANH NGHIỆP**

**BSR ước doanh thu gần 89 ngàn tỷ trong 9 tháng**

Cụ thể, Tổng Giám đốc BSR Bùi Ngọc Dương cho biết, Doanh nghiệp ghi nhận tình hình kết quả kinh doanh khả quan ở các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và nộp ngân sách Nhà nước (NSNN) trong 9 tháng đầu năm 2024. Sản lượng sản xuất ước đạt 4.76 triệu tấn; doanh thu ước 88.6 ngàn tỷ đồng – tương ứng khoảng 93% kế hoạch năm; nộp NSNN ước 9.2 ngàn tỷ đồng. Thời điểm cuối tháng 6/2024, BSR đạt doanh thu thuần hơn 55 ngàn tỷ đồng. Như vậy trong quý 3, Doanh nghiệp ước đạt khoảng hơn 33 ngàn tỷ đồng doanh thu.

**SHB: Niêm yết lãi suất cao nhất 6,1%/năm**

Lãi suất mới nhất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) dao động từ 0,5% đến 5,8%/năm cho khách hàng gửi tại quầy và từ 0,5% đến 6,1%/năm cho tiết kiệm trực tuyến. Lãi suất tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) cho khách hàng cá nhân, tính đến hôm nay (7/10), dao động từ 0,5% đến 5,8%/năm khi nhận lãi cuối kỳ. SHB áp dụng hai mức lãi suất khác nhau cho khách hàng gửi dưới 2 tỷ đồng và trên 2 tỷ đồng. Cụ thể, với hạn mức gửi dưới 2 tỷ đồng, lãi suất tiết kiệm cho kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,5%/năm. Đối với kỳ hạn từ 1 đến 2 tháng, lãi suất là 3,3%/năm; từ 3 đến 5 tháng là 3,6%/năm. Kỳ hạn từ 6 - 11 tháng có lãi suất là 4,7%/năm. Với kỳ hạn 12-15 tháng, lãi suất ở mức 5,2%/năm. Lãi suất cho kỳ hạn 18 tháng là 5,3%/năm, 24 tháng là 5,5%/năm và trên 36 tháng là 5,8%/năm, đây cũng là mức cao nhất cho khách hàng gửi tại quầy.

**PNJ bị phạt 1,34 tỷ đồng sau đợt thanh tra các doanh nghiệp kinh doanh vàng**

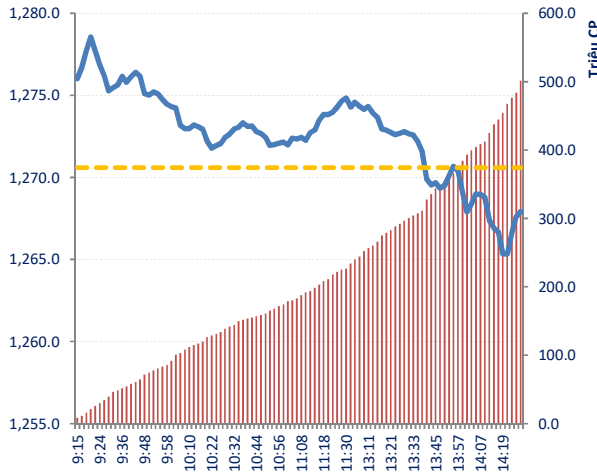
Theo thông tin từ PNJ, vi phạm này xuất phát từ cuộc thanh tra liên ngành của Chính phủ, được thực hiện từ ngày 23/05/2024 đến ngày 10/09/2024 đối với các doanh nghiệp kinh doanh vàng trên cả nước. Theo đó, PNJ bị xử phạt số tiền 1,34 tỷ đồng vì các sai sót liên quan đến quy định nội bộ, phân loại khách hàng theo rủi ro, báo cáo giao dịch giá trị lớn, và kiểm toán nội bộ. Những sai sót này chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý về phòng chống rửa tiền và có thiếu sót trong việc báo cáo cũng như cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý. Đối tượng thanh tra bao gồm hai ngân hàng là TPBank và Eximbank, cùng với bốn doanh nghiệp lớn trong ngành vàng bạc đá quý là SJC, DOJI, PNJ và Bảo Tín Minh Châu. Thời gian thanh tra kéo dài từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/05/2024, với khả năng mở rộng trước hoặc sau khoảng thời gian này nếu cần thiết.

**KCN Long Thành thu hút dự án sản xuất tivi cao cấp 40 triệu USD của Hisense**

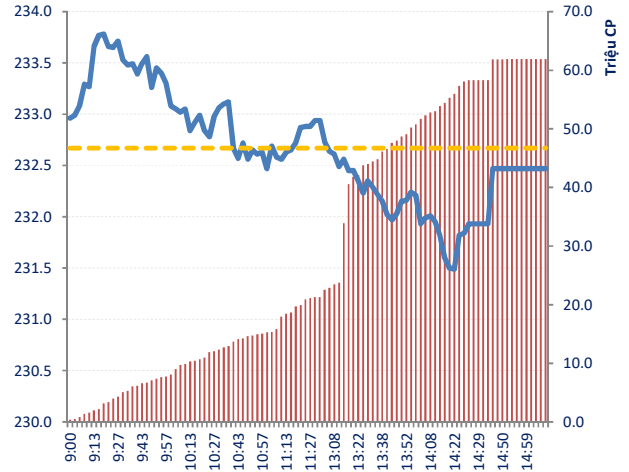
Ngày 24/9 vừa qua, tại Hội nghị công bố quy hoạch và xúc tiến đầu tư tỉnh Đồng Nai, 17 dự án với tổng vốn đầu tư 6,2 tỷ USD đã được trao Giấy chứng nhận đăng ký và Quyết định chấp thuận đầu tư. Trong số đó, đáng chú ý là Dự án Nhà máy điện tử REGZA Việt Nam tại KCN Long Thành với số vốn đầu tư 40 triệu USD. Dự án này đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường của Hisense, đồng thời góp phần vào sự phát triển của hệ sinh thái công nghiệp điện tử toàn cầu của tập đoàn.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

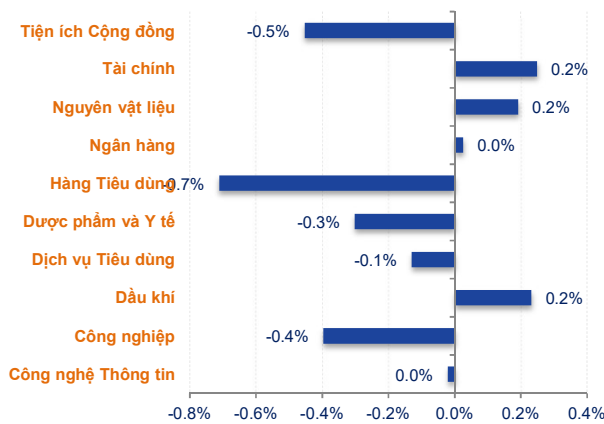
KLGD và VN-Index trong phiên



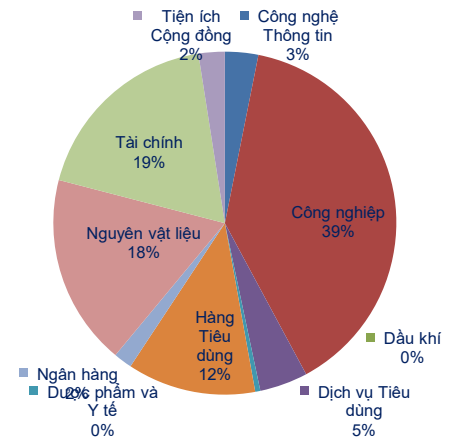
KLGD và HNX-Index trong phiên



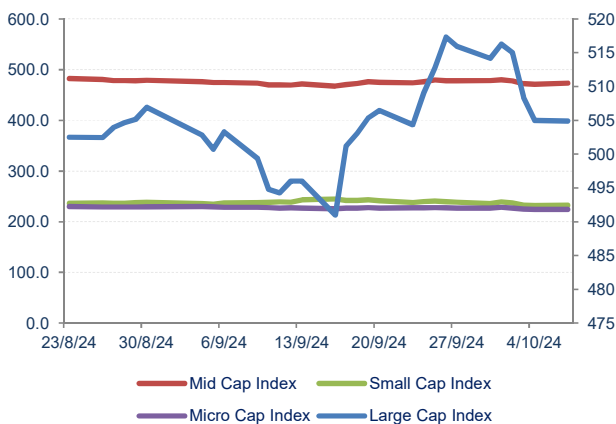
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



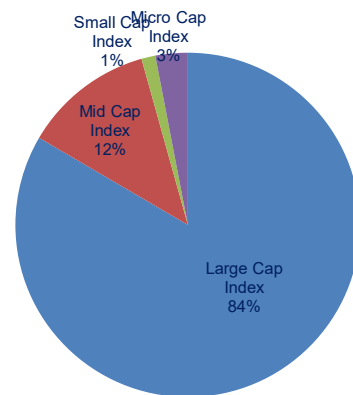
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HOSE

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	1,885,559	VPB	4,705,100
2	TCB	1,660,700	HDB	3,258,660
3	EIB	1,163,920	OCB	2,559,800
4	PVT	636,500	VCG	2,265,100
5	MWG	505,800	GEX	1,482,800

## HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBS	244,800	SHS	3,557,700
2	PVS	137,100	TNG	186,200
3	TIG	24,500	CEO	144,500
4	NRC	24,200	DDG	94,400
5	VTZ	21,700	VFS	66,200

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
VPB	20.00	20.00	⇒	0.00%	25,971,502
MSB	12.65	13.00	↑	2.77%	20,578,000
TPB	17.25	17.50	↑	1.45%	17,802,302
HPG	26.20	26.40	↑	0.76%	15,453,401
SHB	10.85	10.85	⇒	0.00%	15,377,903

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHS	15.80	15.70	↓	-0.63%	27,173,622
MBS	31.30	31.70	↑	1.28%	3,572,419
PVS	41.50	42.00	↑	1.20%	3,376,678
TNG	24.70	24.70	⇒	0.00%	2,212,625
CEO	15.20	15.20	⇒	0.00%	2,118,256

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	14.35	15.35	1.00	↑ 6.97%
TYA	12.20	13.00	0.80	↑ 6.56%
TMP	65.80	69.90	4.10	↑ 6.23%
PNC	12.75	13.50	0.75	↑ 5.88%
VAF	13.60	14.35	0.75	↑ 5.51%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CTT	16.20	17.80	1.60	↑ 9.88%
GDW	28.70	31.50	2.80	↑ 9.76%
ARM	22.90	25.10	2.20	↑ 9.61%
MCO	13.60	14.90	1.30	↑ 9.56%
PTD	7.90	8.60	0.70	↑ 8.86%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NHT	12.20	10.50	-1.70	↓ -13.93%
PSH	4.78	4.45	-0.33	↓ -6.90%
KPF	2.25	2.10	-0.15	↓ -6.67%
SRC	29.90	28.00	-1.90	↓ -6.35%
DTA	4.20	3.95	-0.25	↓ -5.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCM	15.50	14.00	-1.50	↓ -9.68%
GKM	10.40	9.40	-1.00	↓ -9.62%
BST	17.70	16.00	-1.70	↓ -9.60%
NFC	19.90	18.00	-1.90	↓ -9.55%
DNP	24.30	22.00	-2.30	↓ -9.47%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	25,971,502	8.7%	1,530	13.1	1.1
MSB	20,578,000	14.8%	1,820	6.9	1.0
TPB	17,802,302	14.1%	1,789	9.6	1.3
HPG	15,453,401	10.7%	1,746	15.0	1.5
SHB	15,377,903	15.6%	2,240	4.8	0.7

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	27,173,622	5.7%	688	23.0	1.2
MBS	3,572,419	14.4%	1,676	18.7	2.6
PVS	3,376,678	6.8%	1,932	21.5	1.4
TNG	2,212,625	14.0%	2,087	11.8	1.7
CEO	2,118,256	2.6%	309	49.2	1.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FDC	↑ 7.0%	-0.1%	(15)	-	1.2
TYA	↑ 6.6%	8.0%	1,273	9.6	0.7
TMP	↑ 6.2%	21.6%	4,569	14.4	3.2
PNC	↑ 5.9%	2.7%	456	28.0	0.7
VAF	↑ 5.5%	12.0%	1,575	8.6	1.1

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CTT	↑ 9.9%	19.4%	2,706	6.0	1.2
GDW	↑ 9.8%	7.4%	1,391	20.6	1.6
ARM	↑ 9.6%	10.7%	1,296	17.7	2.0
MCO	↑ 9.6%	0.7%	86	158.4	1.1
PTD	↑ 8.9%	-28.2%	(3,026)	-	0.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	1,885,559	17.6%	4,340	7.6	1.3
TCB	1,660,700	16.0%	3,048	7.9	1.2
EIB	1,163,920	9.8%	1,190	15.7	1.5
PVT	636,500	10.9%	2,805	9.9	1.0
MWG	505,800	8.9%	1,507	44.1	3.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBS	244,800	14.4%	1,676	18.7	2.6
PVS	137,100	6.8%	1,932	21.5	1.4
TIG	24,500	10.3%	1,387	9.4	0.9
NRC	24,200	2.9%	403	7.7	0.2
VTZ	21,700	7.1%	735	22.7	1.6

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	515,873	19.5%	5,962	15.5	2.8
BID	280,461	18.1%	4,006	12.3	2.1
FPT	195,846	23.3%	4,890	27.4	6.0
CTG	191,172	15.7%	3,782	9.4	1.4
VHM	180,706	12.2%	5,350	7.8	0.9

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	19,836	6.8%	1,932	21.5	1.4
IDC	18,546	30.1%	5,573	10.1	3.0
MBS	17,123	14.4%	1,676	18.7	2.6
HUT	14,548	0.5%	70	232.5	1.2
THD	13,629	3.0%	450	78.7	3.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.04	0.2%	39	174.1	0.4
VOS	2.87	25.1%	3,140	4.8	1.1
RDP	2.83	-10.5%	(938)	-	0.4
NHA	2.79	10.4%	1,092	22.1	2.2
VNE	2.44	-5.9%	(722)	-	0.4

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

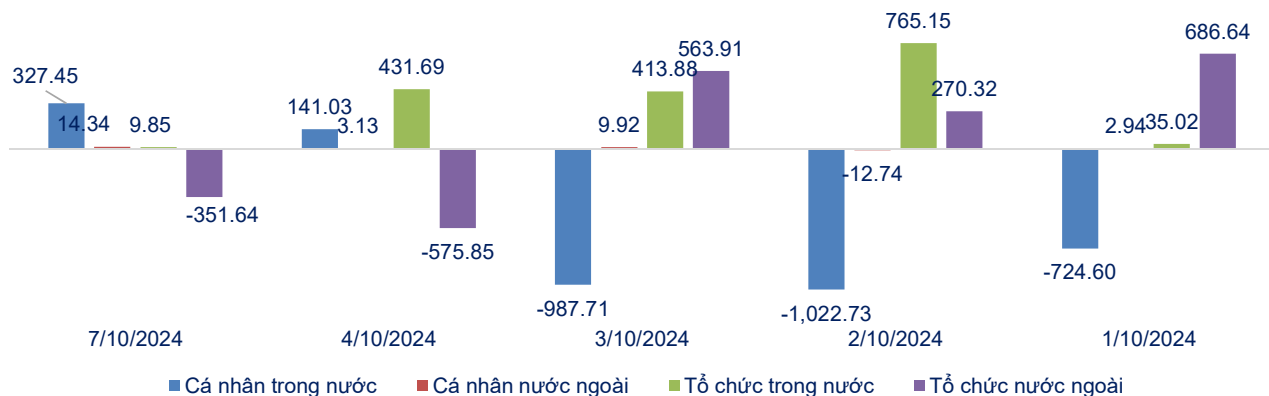
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KSQ	3.41	3.0%	265	12.9	0.4
DTD	2.97	9.0%	1,962	12.4	1.1
VGS	2.97	6.2%	1,088	34.3	2.1
IDJ	2.85	6.4%	752	8.4	0.5
MCO	2.80	0.7%	86	158.4	1.1





**THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT**

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	94.79	25.1%	4,158	6.6	1.5
VPB	77.80	8.7%	1,530	13.1	1.1
VNM	68.46	27.0%	4,636	14.8	3.7
ACB	45.34	22.9%	3,676	6.9	1.5
VCG	42.31	7.8%	1,354	13.6	1.0

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-99.62	23.9%	7,937	14.3	3.2
HPG	-83.42	10.7%	1,746	15.0	1.5
FDC	-83.25	-0.1%	(15)	-	1.2
FPT	-46.66	23.3%	4,890	27.4	6.0
CTG	-22.88	15.7%	3,782	9.4	1.4

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	27.68	27.0%	4,636	14.8	3.7
FPT	1.99	23.3%	4,890	27.4	6.0
HDB	1.54	25.1%	4,158	6.6	1.5
EIB	1.33	9.8%	1,190	15.7	1.5
CTG	1.25	15.7%	3,782	9.4	1.4

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	-10.93	14.1%	1,789	9.6	1.3
VPB	-7.22	8.7%	1,530	13.1	1.1
MWG	-2.53	8.9%	1,507	44.1	3.7
SSI	-1.03	12.0%	1,571	17.4	2.0
NCT	-1.00	48.9%	8,927	12.3	5.3

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	86.06	23.9%	7,937	14.3	3.2
FDC	83.25	-0.1%	(15)	-	1.2
HPG	83.16	10.7%	1,746	15.0	1.5
FPT	71.11	23.3%	4,890	27.4	6.0
CTG	36.36	15.7%	3,782	9.4	1.4

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-61.28	27.0%	4,636	14.8	3.7
STB	-54.50	17.6%	4,340	7.6	1.3
ACB	-45.34	22.9%	3,676	6.9	1.5
MWG	-36.44	8.9%	1,507	44.1	3.7
TCB	-35.17	16.0%	3,048	7.9	1.2

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	63.14	17.6%	4,340	7.6	1.3
TCB	40.04	16.0%	3,048	7.9	1.2
MWG	35.99	8.9%	1,507	44.1	3.7
FRT	21.37	-3.2%	(414)	-	13.2
EIB	20.77	9.8%	1,190	15.7	1.5

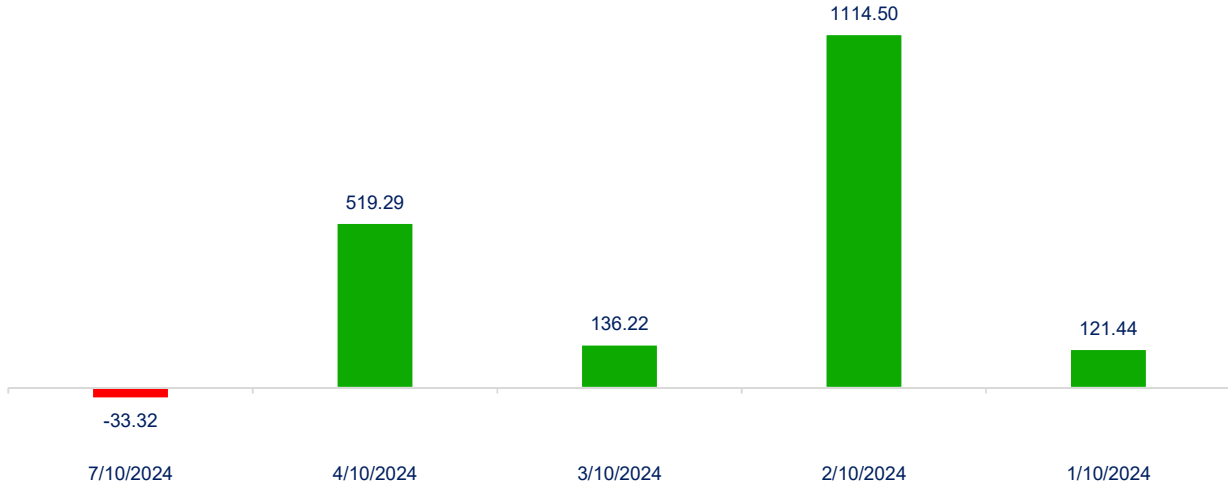
**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-89.21	25.1%	4,158	6.6	1.5
VPB	-86.37	8.7%	1,530	13.1	1.1
VCG	-41.30	7.8%	1,354	13.6	1.0
VNM	-34.86	27.0%	4,636	14.8	3.7
OCB	-32.62	13.0%	1,542	8.3	1.0

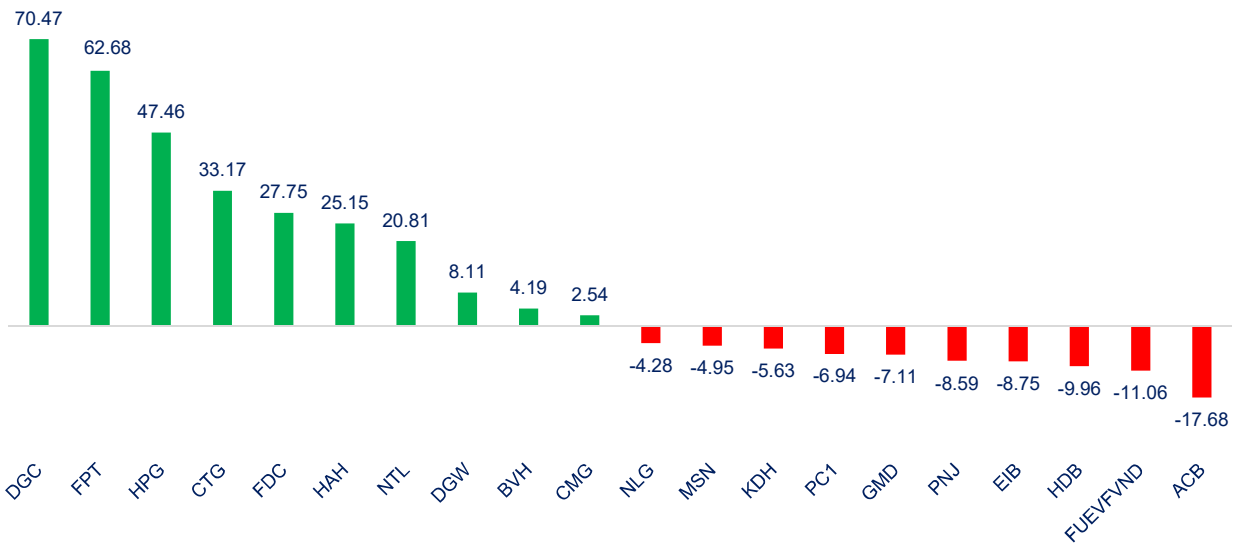


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy**  
[duy.vt@shs.com.vn](mailto:duy.vt@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---